TỜ HƯỚNG DẪN 1 TRANG · PHA 9 CHẾ PHẨM PHÊ DUYỆT, MANG PPE A1P2 & SÚC 3 LẦN CTNH

Tờ ép plastic kẹp xe đồ nghề & kho hóa chất · Đồng bộ HB-PCS-01, PCS-03, PCS-05 & Sổ pha chế BM-PCS-02

Mã hướng dẫn: WI-PCS-01
Phiên bản: v3.0 (19/11/2026)
Tham chiếu: PCS-03 & JC-PCS-01
Định dạng: Ép A4 / Treo kho

Phạm vi áp dụng	Toàn bộ KTV có thẻ NIMPE & Thủ kho xuất 9 mã `SAH-APR-PCS-01..09`	**Điểm pha bắt buộc**	Trên khay chống tràn, cách cống/nước ≥ 15 m, cách lửa ≥ 5 m

1. BẢNG TRA NHANH 9 CHẾ PHẨM PHÊ DUYỆT (LIỀU PHA, NHÓM KHÁNG IRAC & THỜI GIAN CÁCH LY)

Mã SAH-APR	Tên thương phẩm & Dạng	Nhóm & C.tích	Liều pha chuẩn (1 bình / ứng dụng chính)	Cách ly & Lưu ý
`SAH-APR-PCS-01`	**Fendona 10SC** (Không mùi)	IRAC 3A · 100 g/L	**5 mL / 1 L nước** (1 L phun 20 m^2 tồn lưu)	45–60p · Lắc kỹ 20s
`SAH-APR-PCS-02`	**Storm 0.005%** (Viên xanh)	Kháng đông máu	**1–2 viên/trạm** (đặt hộp khóa Vành 1–2 ngoài trời)	0p · Cấm đặt trong nhà
`SAH-APR-PCS-03`	**Permecide 50EC**	IRAC 3A · 500 g/L	Tồn lưu: **20 mL/L** · ULV: **1:10** (100 mL + 900 mL)	45–60p · H226 cách lửa
`SAH-APR-PCS-04`	**Topfly 10WG** (Luân vòng ruồi)	IRAC 4A · Thiam.	Quét bìa: **20g + 16mL (~40°C)** · Phun: **20g + 160mL**	45p · Khi kháng 3A
`SAH-APR-PCS-05`	**Map Permethrin 50EC**	IRAC 3A · 500 g/L	Tồn lưu: **20 mL/L** (25 m^2) · ULV: **1:10**	60p · Cách ly kín gió
`SAH-APR-PCS-06`	**Perme UK 50EC**	IRAC 3A · 500 g/L	Muỗi tồn lưu: **25 mL/L** · Gián Mỹ/Cống: **5 mL/L**	30–60p · Đạt y tế
`SAH-APR-PCS-07`	**Viper 50EC** (Cấm mù trong nhà)	IRAC 3A · 500 g/L	Tồn lưu: **20 mL/L** · ULV: **1:10** · Mù nhiệt: **1:100**	60p · Mù ngoài trời
`SAH-APR-PCS-08`	**Cypado 25EC**	IRAC 3A · 250 g/L	**20 mL / 1 L nước** (chuyên trị hố ga, rãnh thoát, ngoại vi)	45p · Che hồ cá Koi
`SAH-APR-PCS-09`	**Icon 2.5CS** (Vi nang ít mùi)	IRAC 3A · 25 g/L	Chuẩn: **20–30 mL/L** · Rệp giường/Bọ chét: **30 mL/L**	60p · Phủ mịn nếp gấp

2. THỨ TỰ MẶC – THÁO BẢO HỘ A1P2 & QUY TRÌNH PHA CHẾ – SÚC RỬA 3 LẦN (CHỐNG Ô NHIỄM)

Bước	Hạng mục thao tác	Thao tác đúng chuẩn kỹ thuật viên lâu năm	Điểm cấm bỏ sót
B1	Kiểm PPE & đeo mặt nạ `A1P2`	Thử nút khít: bịt hai phin lọc rồi hít nhẹ 5 giây (mặt nạ mút nhẹ vào mặt mới đạt); đeo kính kín 4 phía, mặc đồ tay dài trước khi mang găng Nitrile ≥ 0,38 mm.	Không để râu dài làm hở ron mặt nạ; không dùng găng y tế mỏng.
B2	Pha 3 tầng (Nước - Thuốc - Lắc)	Đổ **1/2 lượng nước sạch** vào bình trước trên khay chống tràn -> Đong đúng mL thuốc bằng ca chia vạch -> Đổ 1/2 nước còn lại -> Đậy nắp lắc đều 20 giây.	Cấm đổ thuốc đặc vào bình khô; cấm sang chiết vào chai nước uống.
B3	Súc rửa 3 lần vỏ chai rỗng	Chế phẩm vừa hết -> Rót **1/3 nước sạch** vào vỏ -> Đậy nắp lắc mạnh 30 giây -> Trút toàn bộ nước súc vào bình phun. Làm đủ **3 lần liên tiếp**.	Cấm đổ nước súc chai xuống cống rãnh hay bồn rửa tay khách hàng.
B4	Hủy đáy & thu vỏ CTNH `18 01 01`	Dùng dao/mũi thép đục thủng đáy vỏ chai nhựa để không tái sử dụng, bỏ vào túi niêm phong đỏ dán mã CTNH `18 01 01` nộp về kho ký nhận 1:1.	Cấm vứt vỏ vào sọt rác sinh hoạt hoặc tặng lại chai rỗng.
B5	Tháo PPE ngược chiều nhiễm	Rửa tay có găng bằng nước sạch -> Cởi ủng/áo ngoài -> Tháo kính -> Tháo mặt nạ `A1P2` -> Lộn trái găng Nitrile bỏ túi kín cuối cùng, rửa mặt và tay xà phòng.	Không cầm mặt ngoài găng tay dính thuốc quệt lên mặt/điện thoại.

XỬ LÝ KHẨN CẤP KHI DÍNH DA, BẮN MẮT HOẶC TRÀN ĐỔ: Dính da: cởi ngay quần áo nhiễm, xối nước sạch + xà phòng 15 phút. Bắn mắt: lấy ngay **02 chai rửa mắt 500 mL** (đặt trong tầm với ≤ 10 giây) rửa liên tục ≥ 15 phút từ khóe trong ra ngoài. Nuốt nhầm hoặc khó thở: mang nhãn chai gốc + **SDS 16 mục** đưa ngay tới bệnh viện gần nhất; tuyệt đối không tự móc họng gây nôn với chế phẩm dung môi **EC**. Tràn đổ: rải 5 kg cát/bột thấm hốt sạch bỏ túi `18 01 01`.

KIỂM CHÉO TRƯỚC KHI MỞ NẮP CHAI THUỐC	XÁC NHẬN NỘP VỎ CTNH CUỐI CA
Đủ `A1P2`, kính 4 phía, găng ≥ 0,38 mm, 2 chai rửa mắt & SDS tiếng Việt. Ghi đầy đủ vào Sổ pha chế BM-PCS-02 trước khi pha.	Đối soát 1:1 số chai xuất kho với số vỏ đục đáy súc 3 lần nộp lại kho. Ký kiểm kho & KTV: .....